

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế : 3600271092

Điện thoại 0251 3869064

Fax 0251 3869065

---

**BÁO CÁO**  
**QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH**  
**6 tháng Năm 2020**

**Kính gửi:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn - xã Bắc Sơn - Huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	30/6/2020	01/01/2020
100	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>101.032.758.465</b>	<b>47.897.439.972</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>39.203.072.568</b>	<b>24.353.546.482</b>
111	1. Tiền	6.703.072.568	853.546.482
112	2. Các khoản tương đương tiền	32.500.000.000	23.500.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>0</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.000.000.000	0
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>365.716.841</b>	<b>621.701.794</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	166.426.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán	145.015.000	165.915.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	242.066.841	486.301.794
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(187.791.435)	(187.791.435)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>15.463.969.056</b>	<b>22.002.766.086</b>
141	1. Hàng tồn kho	15.463.969.056	22.002.766.086
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	0	0
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>0</b>	<b>919.425.610</b>
153	2. Thuế và khoản phải thu Nhà nước	0	919.425.610
200	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>73.602.182.733</b>	<b>73.449.187.063</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>55.226.345.112</b>	<b>58.016.002.847</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	46.232.864.276	48.941.754.131
222	Nguyên giá	114.947.993.290	114.904.543.290
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(68.715.129.014)	(65.962.789.159)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
227	3. Tài sản cố định vô hình	8.993.480.836	9.074.248.716
228	Nguyên giá	10.725.800.713	10.725.800.713
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.732.319.877)	(1.651.551.997)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>369.129.299</b>	<b>311.129.299</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	369.129.299	311.129.299
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>18.006.708.322</b>	<b>15.122.054.917</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18.006.708.322	15.122.054.917
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>174.634.941.198</b>	<b>121.346.627.035</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	30/6/2020	01/01/2020
300	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>9.937.287.589</b>	<b>5.311.818.292</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>9.937.287.589</b>	<b>5.311.818.292</b>
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.204.623.042	2.315.819.391
313	2. Người mua trả tiền trước	302.062.000	50.020.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.331.912.299	224.348.273
315	4. Phải trả người lao động	4.562.434.512	0
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0
320	5. Phải trả ngắn hạn khác	24.500.500	34.905.992
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.511.755.236	2.686.724.636
400	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>164.697.653.609</b>	<b>116.034.808.743</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>164.697.653.609</b>	<b>116.034.808.743</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	118.125.000.000	118.125.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	118.125.000.000	118.125.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	6.750.000.000	6.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	12.235.497.029	12.235.497.029
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.587.156.580	(21.075.688.286)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(21.075.688.286)	(21.075.688.286)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	48.662.844.866	
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>174.634.941.198</b>	<b>121.346.627.035</b>

Người lập



Lê Thị Anh




Đinh Văn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn - xã Bắc Sơn - Huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
6 tháng Năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	101.042.372.000	72.836.165.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	101.042.372.000	72.836.165.500
4. Giá vốn hàng bán	11	43.839.819.685	67.607.334.676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	57.202.552.315	5.228.830.824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	594.213.764	2.753.986.071
7. Chi phí tài chính	22	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	13.454.000	27.960.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.173.796.835	2.733.854.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	53.609.515.244	5.221.002.426
11. Thu nhập khác	31	582.642.040	170.889.089
12. Chi phí khác	32	1.418.013.532	467.215.891
13. Lợi nhuận khác	40	(835.371.492)	(296.326.802)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	52.774.143.752	4.924.675.624
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.312.035.989	867.824.307
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	49.462.107.763	4.056.851.317

Người lập



Lê Thị Anh

Ngày 27 tháng 7 năm 2020

Đại diện Pháp luật

  
Đinh Văn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn - Xã Bắc Sơn - Huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.774.143.752	4.924.675.624
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.833.107.735	3.044.990.346
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(558.071.764)	(2.654.591.784)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	<u>55.049.179.723</u>	<u>5.315.074.186</u>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.175.410.563	187.019.975
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.538.797.030	5.399.560.678
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.618.977.098	(18.333.475.216)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.884.653.405)	(1.179.077.387)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(130.574.390)	(2.245.927.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.645.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.974.232.297)	(3.846.467.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<u>60.392.904.322</u>	<u>(14.695.647.611)</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(101.450.000)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	8.980.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	558.071.764	2.670.273.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<u>(45.543.378.236)</u>	<u>2.679.253.179</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(16.875.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	<u>(16.875.000.000)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.849.526.086	(28.891.394.432)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.353.546.482	85.942.098.074
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>39.203.072.568</u>	<u>57.050.703.642</u>

LẬP BIỂU



Lê Thị Anh



Đinh Văn Hồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giữ niên độ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần (vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 73,6%)
- Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm, Thủy cầm.
- Ngành nghề kinh doanh:**
  - Chăn nuôi lợn, Chăn nuôi gia cầm;
  - Chăn nuôi khác (chi tiết: cá sấu);
  - Hoạt động thú y (chi tiết: Cố vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chăn nuôi);
  - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (chi tiết: Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi);
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư).

4. **Vốn điều lệ:** 118.125.000.000 VND.

### 5. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 101-Ấp Phú Sơn – Xã Bắc Sơn – Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai  
Điện thoại : 0251.3 869064 – 0251.3869700.  
Fax : 0251.3 869065  
E-mail : phuson.dn@hcm.vnn.vn  
Mã số thuế : 3600271092

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

**Các chi nhánh:** Công ty có 2 chi nhánh.

- Trại 1: Trại chăn nuôi heo thịt tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
- Trại 2: Trại chăn nuôi heo nái SS xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

### 7. Hội đồng quản trị và ban điều hành, quản lý:

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của Công ty thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị:

- |                        |                                  |
|------------------------|----------------------------------|
| - Đinh Văn Hồng        | Chủ tịch HĐQT                    |
| - Phan Phương Phúc Phú | Ủy viên HĐQT                     |
| - Đỗ Văn Trong         | Ủy viên HĐQT                     |
| - Nguyễn Văn Khâm      | Ủy viên HĐQT                     |
| - Vũ Quang Tiến        | Ủy viên HĐQT, bổ nhiệm 29/6/2020 |

#### Ban giám đốc – Kế toán trưởng:

- |                 |                    |
|-----------------|--------------------|
| - Đinh Văn Hồng | Đại diện pháp luật |
| - Đỗ Văn Trong  | P.Giám đốc         |
| - Lê Thị Anh    | Q.Kế toán trưởng   |

#### Ban kiểm soát:

- |                          |                |
|--------------------------|----------------|
| - Vương Thị Kim Đước     | Trưởng BKS     |
| - Nguyễn Diên Anh Khoa   | Kiểm soát viên |
| - Trương Nguyễn Ngọc Hòa | Kiểm soát viên |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2006.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định ước tính như sau:

	<u>Số năm KH</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 05 năm
Súc vật làm việc	04 năm
Tài sản cố định khác	3 – 05 năm
Quyền sử dụng đất	15 – 45 năm

#### 6. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn ở Công ty bao gồm:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 2 năm.

##### **Các chi phí trả trước dài hạn khác**

Các chi phí trả trước dài hạn khác (Giá trị đàn heo giống cơ bản) được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào chi phí giá trị xuất bán, thải loại, giá trị sau khi đánh giá lại các khoản chi phí vào cuối kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

### 7. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng với phần chênh lệch.

### 8. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn cổ phần (Vốn đầu tư của chủ sở hữu)*

Vốn cổ phần (Vốn đầu tư của chủ sở hữu) được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu:*

Được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:*

Là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn góp sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### *Cổ tức*

Các cổ tức trả cho các cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận theo các điều kiện được quy định tại chuẩn mực kế toán số 14.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và 20% trên thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm 2006, 2007 và giảm 50% trong 3 năm 2008, 2009, 2010.

Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội

### 12. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	54.019.722	243.109.870
Tiền gửi ngân hàng	6.649.052.846	610.436.612
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn) <sup>(*)</sup>	32.500.000.000	23.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>39.203.072.568</b>	<b>24.353.546.482</b>

(\*) Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2020 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 1,5 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - PGD Biên Hòa, số tiền 3,5 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai số tiền 10,1 tỷ đồng.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 6 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa, số tiền 5,5 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 5,9 tỷ đồng

**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****2.1. Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Tiền gửi	46.000.000.000	46.000.000.000	-	-
kỳ hạn <sup>(*)</sup>	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	-	-

(\*) Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2020 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 9,5 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - PGD Biên Hòa, số tiền 8,6 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 4 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa, số tiền 11 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 3,9 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng EXIMBANK - PGD Trảng Bom, số tiền 2 tỷ đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng HDBANK - SGD Đồng Nai, số tiền 7 tỷ đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

30/6/2020			1/1/2020		
Gía gốc	Gía trị hợp lý	Dự phòng	Gía gốc	Gía trị hợp lý	Dự phòng
VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ

**3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VNĐ	VNĐ
<b>a, Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư nợ lớn</b>		
P-T-Kiên (Sở NN&PTNT)	157.276.435	157.276.435
Công ty TNHH MTV Đất Quê	30.515.000	30.515.000
	<b>187.791.435</b>	<b>187.791.435</b>
<b>b, Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	187.791.435	187.791.435
	<b>187.791.435</b>	<b>187.791.435</b>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Phải thu BHXH, BHYT của CNV	127.066.841	122.017.853
Phải thu Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	50.000.000	50.000.000
Lãi dự thu		124.629.842
Phải thu CTY TNHH PHÚC HIẾU		56.594.000
Cộng	<b>177.066.841</b>	<b>353.241.695</b>

**5 NỢ XẤU**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gía gốc	Gía trị có thể thu hồi	Gía gốc	Gía trị có thể thu hồi
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	187.791.435		187.791.435	-
-Ông Phan Trung Kiên	157.276.435	-	157.276.435	-
-Cty TNHH MTV Đất Quê	30.515.000		30.515.000	
	<b>187.791.435</b>	<b>-</b>	<b>187.791.435</b>	

**6 HÀNG TỒN KHO**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Nguyên vật liệu	2.105.051.371	2.583.728.285
Công cụ, dụng cụ	2.400.000	2.400.000
Chi phí SXKD dở dang	13.356.517.685	19.416.637.801
Cộng	<b>15.463.969.056</b>	<b>22.002.766.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Ph.tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Súc vật làm việc, TS khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	87.323.673.236	22.175.161.589	5.181.708.465	224.000.000	-	114.904.543.290
Mua trong kỳ				43.450.000		43.450.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>87.323.673.236</b>	<b>22.175.161.589</b>	<b>5.181.708.465</b>	<b>267.450.000</b>	<b>-</b>	<b>114.947.993.290</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	49.099.420.404	13.450.745.383	3.188.623.372	224.000.000		65.962.789.159
Khấu hao trong kỳ	1.862.345.556	602.124.281	284.249.184	3.620.833		2.752.339.855
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.961.765.960</b>	<b>14.052.869.664</b>	<b>3.472.872.557</b>	<b>227.620.833</b>		<b>68.715.129.014</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	38.224.252.832	8.724.416.206	1.993.085.093	-	-	48.941.754.131
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.361.907.276</b>	<b>8.122.291.925</b>	<b>1.708.835.908</b>	<b>39.829.167</b>	<b>-</b>	<b>46.232.864.276</b>

**8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Mua trong năm			-
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.642.457.695</b>	<b>83.343.018</b>	<b>10.725.800.713</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	1.568.208.979	83.343.018	1.651.551.997
Khấu hao trong kỳ	80.767.880	-	80.767.880
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.648.976.859</b>	<b>83.343.018</b>	<b>1.732.319.877</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	9.074.248.716	-	9.074.248.716
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.993.480.836</b>	<b>-</b>	<b>8.993.480.836</b>

**9 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

Chi phí	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển khác	Cuối kỳ
<b>XD cơ bản dở dang</b>	<b>260.613.795</b>	<b>58.000.000</b>			<b>318.613.795</b>
Trại heo Xuân Lộc		8.000.000		-	8.000.000
Dự án trại CS Xuân Lộc	260.613.795	50.000.000			310.613.795
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>50.515.504</b>				<b>50.515.504</b>
Dự án KDC 6,8 ha tại xã Long An	50.515.504				50.515.504
	<b>311.129.299</b>	<b>58.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>369.129.299</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Giảm khác	Cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ trại PS	1.126.250.000		843.750.000		282.500.000
Công cụ, dụng cụ trại Xuân Lộc	121.304.197		81.641.562		39.662.635
Công cụ, dụng cụ CPQL	20.625.000		8.250.000		12.375.000
Gtrị đàn heo nái, đực bán	5.207.578.225	734.158.965	692.775.083		5.248.962.107
Thuê mặt bằng Thọ Vực (Agropark) (*)	8.646.297.496	3.922.495.560	145.584.476		12.423.208.580
<b>Cộng</b>	<b>15.122.054.917</b>	<b>4.656.654.525</b>	<b>1.772.001.120</b>	<b>-</b>	<b>18.006.708.322</b>

(\*) Theo hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-QGRO ngày 12/6/2014 giữa Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty CP Đầu tư & Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai, tổng giá trị hợp đồng thuê 7.881.328.400 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn thuê 49 năm.

Ngày 29/12/2017 giữa Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty CP Đầu tư & Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai đã ký thỏa thuận thanh lý HĐ thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-AGRO. Theo đó Agropark phải trả lại số tiền cho thuê mặt bằng chưa thực hiện cho Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn là 4.691.265.551 đồng

Ngày 01/3/2018, giữa TCT CNTP Đồng Nai và Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn ký Phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 01/PLHĐTĐ/2018. Bổ sung giá trị hợp đồng thuê lại đất số 11/HĐTLĐ/2014 ngày 30/6/2014 giữa TCT CNTP Đồng Nai và Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn cho thời hạn thuê đất và thuê hạ tầng từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2063 là: 13.074.985.142 đồng.

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối kỳ	Số đầu năm
TRẠM VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y	0	33.000.030
DNTN BÌNH HOÀNG	4.306.560	9.018.450
Cty LD BIO - Pharmachemie	53.000.000	57.941.720
Cty CP CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM	652.495.000	1.450.977.500
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hội Xây dựng Đồng Nai	11.000.000	11.000.000
Cty TNHH TM thú y TÂN TIẾN	8.581.997	
CTy CP TTY Trung ương NAVETCO	0	54.049.800
CTy CP SXKD Vật Tư & Thuốc Thú Y(Vemedim Corporation)	52.238.477	41.070.015
Cty CP TM THUỐC THÚ Y HOÀNG KIM	162.000.000	216.000.000
CTY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC QUỐC TẾ	76.000.008	77.727.972
CTY TNHH TM DV VTƯ NN MINH HƯNG	9.000.000	
CÔNG TY TNHH KÁT LƯỢNG	0	189.033.904
BÙI HOÀNG LANG	8.000.000	8.000.000
MAI THỊ THUỘC	168.000.000	168.000.000
CTY CP VIỆT PHÁP SX TĂGS (Proconco)	1.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.204.623.042</b>	<b>2.315.819.391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế Giá trị Gia Tăng	1.727.273	9.500.002	9.500.002	1.727.273
Thuế TNDN <sup>(*)</sup>	(919.425.610)	3.312.035.989	130.574.390	2.262.035.989
Thuế thu nhập cá nhân	222.621.000	176.810.976	397.831.976	1.600.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	178.148.111	111.599.074	66.549.038
Tiền thuê đất	-	133.098.075	66.549.038	66.549.038
Tiền thuế SD đất nông nghiệp	-	16.716.836	16.716.836	-
Tiền thuế SD đất phi NN	-	28.333.200	28.333.200	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(695.077.337)</b>	<b>3.681.495.078</b>	<b>654.505.442</b>	<b>2.331.912.300</b>

(\*) Thuế NTDN phải nộp trong kỳ đã tính giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội

**13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.300.500	1.300.500
Các khoản phải trả khác	3.200.000	3.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.500.500</b>	<b>4.500.500</b>

**14 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đầu năm	PS có trong kỳ	Chi trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng:	303.384.693	-	30.000.000	273.384.693
Quỹ phúc lợi	2.348.912.410	-	1.144.969.400	1.203.943.010
Quỹ Thưởng ban QL điều hành	34.427.533	-	-	34.427.533
<b>Cộng</b>	<b>2.686.724.636</b>	<b>-</b>	<b>1.174.969.400</b>	<b>1.511.755.236</b>

**15 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Cộng
Số đầu năm trước	67.500.000.000	48.283.367.294	6.750.000.000	37.240.541.530	159.773.908.824
- Lãi năm trước	-	-	-	(23.025.278.081)	(23.025.278.081)
- Tăng vốn năm trước	50.625.000.000	(50.625.000.000)			-
- Chia cổ tức năm 2018				(16.875.000.000)	(16.875.000.000)
- Trích lập các quỹ		14.577.129.735		(14.577.129.735)	-
- Trích lập quỹ KThưởng, Plợi				(3.838.822.000)	(3.838.822.000)
<b>SD cuối năm trước</b>	<b>118.125.000.000</b>	<b>12.235.497.029</b>	<b>6.750.000.000</b>	<b>(21.075.688.286)</b>	<b>116.034.808.743</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số đầu năm này	118.125.000.000	12.235.497.029	6.750.000.000	(21.075.688.286)	116.034.808.743
- Bù lương chi vượt năm 2019 <sup>(*)</sup>				(799.262.897)	799.262.897
- Lãi kỳ này				49.462.107.763	49.462.107.763
Số dư cuối kỳ	118.125.000.000	12.235.497.029	6.750.000.000	27.587.156.580	164.697.653.609

(\*) Tại Khoản 2 điều 7 Nghị quyết số 70/NQ-ĐH ngày 29/6/2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 nêu lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 được phân phối vào các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông sau khi bù cho số tiền lương chi vượt năm 2019 số tiền 799.262.897 đồng.

**b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Tỷ lệ	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	73,56	86.889.810.000	73,56	49.651.320.000
Vốn góp cổ đông khác	26,44	31.235.190.000	26,44	17.848.680.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>118.125.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>67.500.000.000</b>

**c Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.812.500	11.812.500
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	11.812.500	11.812.500
- Cổ phiếu thường	11.812.500	11.812.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.812.500	11.812.500
- Cổ phiếu thường	11.812.500	11.812.500
Mệnh giá cổ phiếu:	10,000 đồng	10,000 đồng

**d Các quỹ của doanh nghiệp**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	12.235.497.029	12.235.497.029
- Quỹ khác thuộc VCSH	6.750.000.000	6.750.000.000
	<b>18.985.497.029</b>	<b>18.985.497.029</b>

**16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>101.042.372.000</b>	<b>72.836.165.500</b>
<b>Sản phẩm chính</b>	<b>101.042.372.000</b>	<b>72.836.165.500</b>
- Heo giống nuôi thịt	37.530.600.000	22.495.432.500
- Heo hậu bị		15.284.606.438
- Heo thịt	61.439.631.000	28.280.228.500
- Heo nái, đực, HBL bán loại	1.919.666.000	6.104.864.062
- Heo thịt loại	152.475.000	162.824.000
- Tinh heo	-	508.210.000
<b>Sản phẩm Sản phẩm phụ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>101.042.372.000</b>	<b>72.836.165.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****17 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Đàn heo giống	13.045.218.900	19.127.427.335
- Heo hậu bị		14.749.856.616
- Đàn heo thịt	29.949.350.703	25.906.260.068
- Đàn heo nái, đực bán loại	692.775.082	3.854.526.760
- Bán thịt loại giảm phí	152.475.000	162.824.000
- Tinh heo giảm phí		508.210.000
- Heo tiêu hủy do dịch tả CP		3.298.229.897
<b>Cộng</b>	<b>43.839.819.685</b>	<b>67.607.334.676</b>

**18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	558.071.764	1.315.773.179
- Chiết khấu thanh toán mua hàng	36.142.000	83.712.892
- Công ty CP Agropark chia cổ tức lần cuối		1.354.500.000
	<b>594.213.764</b>	<b>2.753.986.071</b>

**19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH***Trong đó: chi phí lãi vay*

	Kỳ này	Kỳ trước
	0	0
	-	-

**20 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	13.454.000	27.960.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác		
<b>Cộng</b>	<b>13.454.000</b>	<b>27.960.000</b>

**21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	3.186.949.910	1.805.222.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.385.662	174.385.663
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.196.264	61.492.145
Chi phí khác bằng tiền	792.264.999	687.754.022
<b>Cộng</b>	<b>4.173.796.835</b>	<b>2.733.854.469</b>

**22 THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu tiền sử dụng khí Biogas		18.272.727
- Thu thuê cửa hàng An Chu	94.999.998	103.636.362
- Thu bán heo nái, đực ngoại thanh lý		8.980.000
- Bấp sậy thanh lý, tấm, cám hỏng	370.686.000	
- Thu hợp tác sản xuất cây mía	-	40.000.000
- Xử lý hàng tồn kho	116.956.042	
<b>Cộng</b>	<b>582.642.040</b>	<b>170.889.089</b>

002  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 PHÚ  
 SƠN  
 NG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**23 CHI PHÍ KHÁC**

- GTCL thanh lý nhượng bán TSCĐ
  - Tiền thưởng cố định HĐQT, BKS không tham gia sản xuất
  - Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất
  - Bấp sậy thanh lý
- Cộng**

<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
-	24.661.395
62.400.000	31.200.000
651.908.359	411.354.496
703.705.173	
<b>1.418.013.532</b>	<b>467.215.891</b>



Lê Thị Anh  
Người lập biểu



Ngày 27 tháng 7 năm 2020

Đinh Văn Hồng  
Đại diện pháp luật

710.  
GT  
PH  
NN  
J S  
COM